

**BẢN ÁN SỐ: 05 /2018/DS-ST.**

**NGÀY 23/01/2018.**

***V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.***

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG**

**Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán sơ cấp - chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lục Viết Sang - Cán bộ hưu trí trú tại TT Cầu Gò, huyện Yên Thế.

2. Ông Trần Hải Đăng - Cán bộ hưu trí trú tại xã Đồng Tâm, huyện Yên Thế.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Lê Hồng Thảo – Thư ký Tòa án.

- **Đại diện VKS nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình: “Không công nhận vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1969 - (Có mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 - (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn P, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- **Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 17/8/2017 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, có được gia đình tổ chức lễ cưới và chị nhớ là có đăng ký kết hôn tại UBND xã AD, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang nhưng do trong quá trình chung sống vợ chồng chuyển nhà nhiều lần nên chị đã đánh mất đăng ký kết hôn nên giờ không còn lưu giữ được giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ chồng ở thôn Đ, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang cho đến năm 2009 thì vợ chồng mua nhà đất và chuyển đến thôn P, xã Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Q là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng nhất từ năm 2016 do phía anh Q đã 3 lần đốt hàng hóa (chị bán hàng quần áo) của chị nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không quan tâm chăm sóc nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn Q.

\* Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị Hương Quỳnh, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh năm 1997. Hiện tại cả 2 con đều đã trưởng thành, con lớn đã xây dựng gia đình, con bé có công việc ổn định tự do cho bản thân nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

\* Về tài sản: Vợ chồng chị có tài sản chung nhưng vợ chồng đã tự thỏa thuận thống nhất nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên các yêu cầu xin được ly hôn không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Văn Q.

**- Tại bản tự khai ghi ngày 31/10/2017 và lời khai tiếp theo, Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:**

Anh kết hôn với chị Dương Thị H năm 1988, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và vì do lâu ngày nên anh không nhớ là vợ chồng anh có đăng ký kết hôn tại UBND xã AD, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang hay không và anh cũng không nhớ được ai là người đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh, nhưng hiện tại anh không còn lưu giữ được giấy đăng ký kết hôn. Vợ chồng sau khi cưới chung sống H phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng không có gì to tát, nguyên nhân đơn giản chỉ là bất đồng quan điểm nhưng không đánh nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, phía chị H xin ly hôn anh không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và các con vẫn cần có bố mẹ, anh vẫn cần có chị H nên anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Hương Quỳnh, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Bích Ngọc, sinh năm 1997. Hiện tại cả 2 con đều đã trưởng thành, con lớn đã xây dựng gia đình, con bé đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận về tài sản nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn Q vắng mặt.

+ ***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- **Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và HĐXX:** Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Xác định đúng mối quan hệ tranh chấp; Việc giao gửi văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng thủ tục, thời gian quy định. HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- **Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:** Nguyên đơn chị H chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh Q chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật, Tại phiên tòa anh Q vắng mặt lần thứ hai;

- **Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:**

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 8 và Điều 40 Luật HNGĐ năm 1986; Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Q. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST.

- **Những yêu cầu, kiến nghị khác:** Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, cả anh Q và chị H đều thừa nhận có được hai bên gia đình tổ chức cưới nhưng đều khai không nhớ rõ thời điểm đăng ký kết hôn và hiện tại không có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp, vợ chồng thường bất đồng về quan điểm nên không có sự thống nhất đồng thuận trong kinh tế và không có sự quan tâm với nhau. Phía chị H xét thấy không còn tình cảm với anh Q và làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết

theo quy định của pháp luật về mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Q, quan điểm của anh Q xét thấy vẫn còn tình cảm với chị H và không đồng ý ly hôn nhưng từ khi chị H làm đơn khởi kiện về việc ly hôn tại Tòa án thì phía anh Q cũng không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã AD, huyện Tân Yên thì hiện tại trong những hồ sơ, sổ sách lưu giữ về việc cấp cấp chứng nhận đăng ký kết hôn và sổ cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân còn lưu trữ tại địa phương thì không có tên vợ chồng anh Nguyễn Văn Q và chị Dương Thị H. Như vậy việc chị H, anh Q khai không nhớ rõ việc có đăng ký kết hôn hay không và cũng không nộp được cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên không có căn cứ để khẳng định có việc đăng ký kết hôn tại UBND xã AD. Do quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị H được các bên xác lập vào năm 1988, trước ngày luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 1986 để giải quyết. Vì chị H, anh Q vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 là không đăng ký kết hôn nên cần xử không công nhận vợ chồng giữa chị H, anh Q là phù hợp với điều 8; điều 40 luật hôn nhân gia đình năm 1986 và điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

[2] Về con chung: Vợ chồng Chị H, anh Q có hai con chung là Nguyễn Thị Hương Quỳnh, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Ngọc Bích, sinh năm 1997. Hiện tại cả 2 con đều đã trưởng thành và cả chị H cùng anh Q đều không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Do vậy HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị H, anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 09/01/2017 anh Nguyễn Văn Q không đến phiên tòa, HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và đã tổng đạt, giao giấy báo phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Q, song tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn Anh Q vẫn vắng mặt, tuy nhiên đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ, hợp lệ do vậy về quyền lợi của anh Q đã được pháp luật bảo vệ, phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điều 8; Điều 40 Luật HNGĐ năm 1986.

Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử không công nhận vợ chồng giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Q.

**2. Về án phí:** Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế theo biên lai thu số AA/2012/02284 ngày 24/10/2017. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Báo cho đương sự có mặt biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt./.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã....
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Hằng**